

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 45/2017/HSST

Ngày: 18/9/2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH HÀ NAM
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Đặng Trần Anh Dũng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ngọc Sơn và ông Nguyễn Hữu Khánh.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2017/HSST ngày 22/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội X, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Đức Th và bà Trần Thị L. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/6/2017 đến ngày 09/6/2017 bị áp dụng biện pháp tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (Có mặt)

2. Dương Văn D, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu tập thể nhà máy Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; trình độ văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Dương Văn Q (đã chết) và bà Hà Thị Thanh Q. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: Ngày 18/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự nhưng do người bị hại rút đơn yêu cầu xử lý hình sự nên Toà án đã ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với Dương Văn D. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. (Có mặt)

* **Bị hại:** Anh Trần Đình K, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do có cùng sở thích chơi điện tử nên Nguyễn Đức T và Dương Văn D quen biết nhau. Khoảng 16 giờ ngày 13/3/2017 tại quán Internet ở đường H, thành phố N, T bảo D mượn xe mô tô của bạn để chở T về quê mượn tiền và xe mô tô. D mượn xe mô tô của một người bạn tên Th đang cùng chơi điện tử nhưng không biết tuổi, địa chỉ cụ thể để chở T về mượn tiền nhưng không được. Sau đó T chở D đến nhà anh Trần Đình K để hỏi mượn xe mô tô với mục đích mang đi cầm cố lấy tiền chơi điện tử. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày khi đến ngõ nhà anh K, D đứng ngoài còn T điều khiển xe mô tô vào nhà. Gặp anh K, T nói *“Anh cho em mượn chiếc xe mô tô để em đi giải quyết công việc, xe của em đang bị Công an N giữ”*. Anh K đồng ý cho T mượn chiếc xe mô tô BKS 90H5-**** của mình. T gửi lại chiếc xe mô tô do D mượn của bạn ở nhà anh K rồi điều khiển xe mô tô của anh K đi ra chở D về thành phố N. Trên đường đi T nói với D *“Anh mượn được con xe này có gì tí nữa anh em mình mang đi cầm”* thì D đồng ý rồi cả hai về quán Internet tiếp tục chơi điện tử. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Th gọi điện đòi xe thì T chở D về nhà anh K để lấy xe. Khi đến gần nhà thì gặp anh K đang đi bộ trên đường, T nói *“Anh cho em mượn xe một, hai hôm để đi giải quyết việc, xe của em đang bị Công an thành phố N giữ, anh mà lấy xe bây giờ thì em không có xe đi lại để giải quyết việc”*, T nói tiếp *“Cho em xin lại chiếc xe để về trả cho bạn”*. Nghe T nói vậy thì anh K đồng ý. T chở D đến nhà anh K lấy lại chiếc xe mô tô gửi lúc chiều. Sau khi trả xe mô tô cho Th, T và D quay lại quán Internet tiếp tục chơi điện tử đến đêm và ngủ ở đó. Sáng ngày 14/3/2017, D mượn xe mô tô BKS 90H5-**** để đi mua bánh mỳ. Trên đường đi D bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an thành phố N kiểm tra hành chính và tạm giữ xe. T gọi điện thoại cho anh K hỏi mượn giấy tờ để lấy xe. Do không có nhà, anh K đã nhờ anh Đỗ Văn Th và anh Trần Công T đến gặp anh Trần Đình C là anh trai K lấy giấy tờ xe mang đến thành phố N đưa cho T. Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh T và anh Th mang giấy tờ xe đưa cho T và D. Có được giấy tờ xe T và D đến Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố N nộp phạt hành chính, lấy xe và đi về quán Internet tiếp tục chơi điện tử. Đến 17 giờ cùng ngày, T nói với D *“Mày mang xe ra đi cầm lấy 6 đến 7 triệu để về chơi nếu được thì đến tối lấy xe ra”*. D trả lời *“cũng được”* rồi cầm giấy tờ xe và điều khiển xe mô tô BKS 90H5-**** đến cửa hàng cầm đồ MT của anh Tăng Nguyên T ở đường P, thành phố N cầm cố được 7.000.000 đồng. D cầm toàn bộ số tiền đưa T thì T nạp vào tài khoản của mình 6.000.000 đồng, nạp vào tài khoản của D 1.000.000 đồng để sử dụng vào việc chơi điện tử. Đến ngày 16/3/2017, khi đã chi tiêu hết số tiền thì T nói với D về việc anh K gọi điện nhiều lần đòi xe mô tô nhưng không có khả năng trả và bảo D *“Em có chỗ nào để bán chiếc xe không, bán dư ra 1 hay 2 triệu để anh còn vào Sài Gòn hoặc lên Hà Nội”*.

Sau đó D dẫn T đến cửa hàng sửa chữa xe máy của ông Trần Khả H ở số nhà 485 đường T, thành phố N để hỏi bán chiếc xe trên. Sau khi T và ông H thống nhất bán chiếc xe với giá 9.000.000 đồng, D cùng ông H đến cửa hàng cầm đồ MT trả số tiền 7.000.000 đồng mà D cầm xe rồi lấy xe về. Ông H và T làm thủ tục bán xe rồi ông H trả cho T 2.000.000 đồng. T cầm tiền rồi cùng D quay lại quán Internet chơi điện tử sau đó T thuê xe về nhà rồi bỏ trốn. Ngày 21/3/2017 anh K có đơn gửi Công an huyện B tố giác T về hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 90H5-****. Ngày 22/3/2017 anh K đã đến cửa hàng sửa xe máy của ông H để chuộc lại chiếc xe mô tô BKS 90H5-**** và đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô cho Cơ quan CSĐT Công an huyện B để phục vụ công tác điều tra. Ngày 06/6/2017 T đã bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 29/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe nữ, BKS 90H5-**** đã qua sử dụng có giá trị là 9.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 45/KSĐT-TA ngày 22/8/2017 và tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 139, các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20, Điều 53, Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn D. Xử phạt bị cáo T từ 01 năm tù đến từ 01 năm 03 tháng tù. Xử phạt bị cáo D từ 09 tháng tù đến 01 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, chấp nhận sự thoả thuận của anh K và bị cáo T, buộc bị cáo T bồi thường cho anh K 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh K 6.000.000 đồng tiền chuộc xe; bị cáo D không có ý kiến gì về số tiền 3.000.000 đồng mà mẹ đẻ bị cáo đã bồi thường cho anh K.

Tại phiên tòa, người bị hại – anh Trần Đình K trình bày như nội dung bị cáo T mượn xe mô tô BKS 90H5-5620 của anh như Cáo trạng đã nêu. Anh đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T bồi thường cho anh 6.000.000 đồng tiền chuộc xe; đồng thời xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan CSĐT, lời khai của bị hại; người làm chứng, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ chứng cứ để xác định: Qua chơi điện tử, Nguyễn Đức T quen biết Dương Văn D từ đầu năm 2017. Chiều ngày 13/3/2017, tại quán Internet ở đường H, thành phố N, tỉnh Nam Định, T nhờ D mượn xe mô tô chở về quê vay tiền chơi điện tử. Do không vay được tiền nên T nảy sinh ý định mượn xe máy của người khác mang đi cầm cố. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà anh Trần Đình K ở thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam; bằng thủ đoạn nói dối xe mô tô của mình bị công an giữ, T đã mượn được của anh K xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe nữ, BKS 90H5-**** trị giá 9.000.000 đồng. Chiều ngày 14/3/2017 tại quán Internet, T nhờ D mang xe mô tô BKS 90H5-**** đi cầm cố do T không biết quán cầm đồ ở thành phố N và vài ngày trước T cũng đã nhờ D mang xe mô tô của T đi cầm cố. Mặc dù biết rõ xe mô tô là T mượn của anh K nhưng D vẫn mang xe mô tô BKS 90H5-**** đi cầm cố được 7.000.000 đồng và được T cho 1.000.000 đồng để nạp vào tài khoản chơi điện tử. Sau khi chơi điện tử hết số tiền cầm cố xe và bị anh K đòi trả xe mô tô, T lại nhờ D tìm người chuộc xe mô tô BKS 90H5-**** để mang đi bán lấy số tiền cao hơn khi cầm cố. Khi D tìm được ông Trần Khả H đồng ý mua thì Dg dẫn ông H đi chuộc xe. Tại quán cầm đồ ông H đã đưa D 7.000.000 đồng để chuộc xe. Sau đó T đã làm giấy bán chiếc xe mô tô BKS 90H5-**** cho ông H với giá 9.000.000 đồng và được ông H đưa cho 2.000.000 đồng. T tiếp tục dùng số tiền này chơi điện tử đến khi hết tiền thì T bỏ trốn lên thành phố Hà Nội; sau đó bị bắt theo lệnh truy nã.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Đức T là đối tượng chủ động khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm hưởng phần lớn số tiền do lừa đảo mà có nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Dương Văn D tích cực giúp bị cáo T mang tài sản lừa đảo đi tiêu thụ và được hưởng một phần số tiền nên đồng phạm giữ vai trò người giúp sức. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng chỉ mãi chơi không chịu lao động; để có tiền cho nhu cầu chơi điện tử các bị cáo sẵn sàng thực hiện hành vi phạm pháp. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “người phạm tội

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt” theo quy định tại các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt “người phạm tội đã bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, căn cứ vào biên bản xác minh tài sản; Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh K yêu cầu bị cáo T phải bồi thường 9.000.000 đồng tiền anh K đã chuộc xe mô tô BKS 90H5-5620; bị cáo T cũng đã đồng ý. Sau đó bị cáo D đã tác động để mẹ đẻ bị cáo bồi thường cho anh K 3.000.000 đồng nên anh K chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T và anh K giữ nguyên quan điểm bị cáo T bồi thường cho anh K 6.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo T không phải chịu.

Đối với xe mô tô BKS 90H5-**** sau khi thu hồi, Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam đã trả lại cho anh K là đúng quy định của pháp luật.

Đối với anh Tăng Nguyên T và ông Trần Khả H, quá trình điều tra xác định anh T, ông H là người đã nhận cầm cố và mua chiếc xe mô tô BKS 90H5-**** nhưng đều không biết chiếc xe mô tô này do T và D phạm tội mà có do vậy không có căn cứ để xử lý đối với anh T và ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (06/6/2017).

Xử phạt bị cáo Dương Văn D 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (05/8/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo T và anh K; buộc bị cáo T bồi thường cho anh K 6.000.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án; buộc các bị cáo Nguyễn Đức T và Dương Văn D, mỗi người nộp 200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh K có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo T còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã N, huyện B;
- UBND phường T, thành phố N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Trần Anh Dũng

Đã ký